TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/DS-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Khoa,

2. Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V; Địa chỉ trụ sở chính: Số 9 Đ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1981; Cư trú tại: Số 16A/119 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 521/UQTT-QTRR.17 ngày 12 tháng 6 năm 2017).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Cư trú tại: Thôn V, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Ông Ngô Văn P có mặt; Anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2017 nguyên đơn là Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V (sau đây viết tắt là Công

ty Tài chính) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ngô Văn P đều trình bày:

Giữa Công ty Tài chính với anh Nguyễn Văn T có quan hệ tín dụng, tại Hợp đồng tín dụng số 20160318-133021-1011 ngày 16 tháng 3 năm 2016 số tiền Công ty Tài chính cho anh T vay là 31.650.000 đồng để tiêu dùng tín chấp, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất theo thỏa thuận, phương thức trả góp gốc lãi hàng tháng. Quá trình trả nợ, anh T mới trả được 3.706.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.570.187 đồng, tiền lãi 2.135.813 đồng), từ ngày 04 tháng 6 năm 2016 trở đi, anh T không trả nợ mặc dù Công ty Tài chính đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ.

Công ty Tài chính khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu anh T trả nợ Công ty Tài chính tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27 tháng 9 năm 2017) là 38.534.421 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 30.079.813 đồng, nợ lãi là 8.454.608 đồng. Số tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2017 trở đi Công ty Tài chính yêu cầu anh T phải thanh toán; Trường hợp có sự thay đổi về lãi suất cho vay, Công ty Tài chính không điều chỉnh, không yêu cầu anh T thanh toán.

Về chứng cứ: Công ty Tài chính cung cấp Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20160318-133021-1011 ngày 16 tháng 3 năm 2016, Bảng thống kê lịch sử thanh toán tiền vay.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 5, 26, 35, 85, 147 và Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); Điều 122 của Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) năm 2005; Các Điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính, buộc anh Nguyễn Văn T phải trả nợ cho Công ty Tài chính với tổng số tiền đến ngày 27 tháng 9 năm 2017 là 38.534.421 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 30.079.813 đồng, nợ lãi là 8.454.608 đồng; Anh T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2017, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, khẳng định được giữa Công ty Tài chính và anh T có quan hệ tín dụng bởi Hợp đồng tín dụng số 20160318-133021-1011 ngày 16 tháng 3 năm 2016 và anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ đã bị quá hạn. Việc Công ty Tài chính yêu cầu anh T phải thanh toán tổng số tiền còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là 38.534.421 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 30.079.813 đồng, nợ lãi là 8.454.608 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 122, 471 và 474 của BLDS năm 2005, các Điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015; Việc Công ty Tài chính không điều chỉnh, không yêu cầu anh T thanh toán lãi suất cho vay khi có sự thay đổi về lãi suất là tự nguyện phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là 1.926.721 (Một triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi mốt đồng).

Với nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 5, 26, 35, 91, 92, 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 122, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 117, 298, 299, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn T phải trả nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số 20160318-133021-1011 ngày 16 tháng 3 năm 2016 tổng số tiền tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2017 là 38.534.421 (Ba mươi tám

triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi mốt đồng); Trong đó tiền nợ gốc là 30.079.813 (Ba mươi triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm mười ba đồng), nợ lãi là 8.454.608 (Tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm linh tám đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 1.926.721 (Một triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi mốt đồng) án phí dân sự. Trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V số tiền 960.000 (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0005568 ngày 07 tháng 7 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng